UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 13 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chiếu sáng đô thị, thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4936/TTr-SXD ngày 06 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chiếu sáng đô thị, thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/12/2019 và thay thế Quyết định 03/2014/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định quản lý các công trình giao thông, chiếu sáng, thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chiếu sáng đô thị, thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 13/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC I
QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, gồm: Bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ; trách nhiệm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến hoạt động quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

3. Đối với nội dung quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường xã thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Nguyên tắc chung quản lý kết cấu hạ tầng giao thông

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông theo phân cấp của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Việc lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch xây dựng đô thị, các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị phải xác định rõ loại đường và cấp đường theo Bảng 4.4 Quy định về các loại đường trong đô thị của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCXDVN 01:2008/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

3. Phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung; định hướng đầu tư xây dựng và phát triển các trung tâm quản lý, điều hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật (chiếu sáng, cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông,…).

4. Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển giao thông công cộng, bố trí trạm dừng, điểm tiếp nhận hành khách,… Bố trí hệ thống an toàn giao thông tại một số tuyến đường, vị trí quan trọng của đô thị và dự án; quy hoạch, đầu tư, bố trí hợp lý hệ thống giao thông của khu công nghiệp, cụm công nghiệp để vận chuyển hàng hóa, giảm ách tắc tai nạn giao thông đường bộ.

MỤC II
QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 3. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động chiếu sáng tại các đô thị, các dự án đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài đô thị và khuyến khích áp dụng đối với các khu vực còn lại ngoài đô thị trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Quy định này được áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến việc quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống điện chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý chiếu sáng đô thị

1. Hoạt động chiếu sáng đô thị phải thực hiện theo Nghị định số 79/2009/NĐ-CP ngày 28/9/2009 của Chính phủ và các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của ngành xây dựng, điện lực, phòng cháy và chữa cháy, giao thông và các ngành khác có liên quan, đảm bảo an toàn mỹ quan đô thị, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự và tiết kiệm điện.

2. Xây dựng mới, cải tạo, quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với quy hoạch đô thị được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và những quy định hiện hành khác;

b) Khi lắp đặt mới, sửa chữa, thay thế nguồn sáng và các thiết bị chiếu sáng tại các công trình xây dựng và công trình chiếu sáng đô thị có sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước phải sử dụng nguồn sáng được cấp giấy chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng hoặc dán nhãn tiết kiệm năng lượng của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật; nghiên cứu ứng dụng và phát triển năng lượng mặt trời và các nguồn năng lượng tái tạo khác, ứng dụng công nghệ bật, tắt tự động, điều khiển từ xa nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng điện năng, tiết kiệm năng lượng và chi phí quản lý vận hành;

c) Đối với các đô thị loại III trở lên: Đảm bảo thiết kế và đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đường phố, chiếu sáng đô thị, chiếu sáng công trình đi ngầm, đèn chiếu sáng tiết kiệm năng lượng;

d) Đối với công tác xây dựng, cải tạo các công trình chiếu sáng đô thị phải tuân thủ các nội dung được quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

3. Khuyến khích sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (năng lượng mặt trời, năng lượng gió...) để cấp điện cho hệ thống chiếu sáng công cộng.

MỤC III
QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC

Điều 5. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao (sau đây gọi tắt là khu công nghiệp), cụm công nghiệp, khu nhà ở, khu dân cư nông thôn tập trung; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 6. Hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương

1. Hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống thoát nước chung và hệ thống thoát nước riêng.

2. Bắt buộc áp dụng hệ thống thoát nước riêng đối với các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu nhà ở được quy hoạch, xây dựng mới trên địa bàn tỉnh.

3. Đối với các khu đô thị cũ, khu dân cư nông thôn tập trung đã được đầu tư hệ thống thoát nước chung, khi quy hoạch, nâng cấp, đầu tư xây dựng thì ưu tiên áp dụng hệ thống thoát nước riêng.

4. Đầu tư đồng bộ hệ thống thoát nước chính cho đô thị; nghiên cứu các phương án cống ngăn triều tại các khu vực ngập úng, các giải pháp chống ngập cho đô thị.

5. Chú trọng đầu tư hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị; nghiên cứu, ứng dụng việc tái sử dụng nước mưa, nước thải cho việc tưới cây, rửa đường...

MỤC IV
QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 7. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về quản lý cây xanh đô thị bao gồm: Quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Cây xanh đô thị thuộc đối tượng quản lý tại Quy định này bao gồm: Cây xanh sử dụng công cộng (cây xanh được trồng trên đường phố: Cây bóng mát, cây trang trí, dây leo, cây mọc tự nhiên, thảm cỏ trồng trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông; cây xanh trong công viên, vườn hoa; cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường và các khu vực công cộng khác trong đô thị); cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị (cây xanh được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng); cây xanh chuyên dụng trong đô thị là các loại cây trong vườn ươm hoặc phục vụ nghiên cứu.

3. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Dương; khuyến khích áp dụng đối với các khu vực ngoài đô thị theo quy hoạch xây dựng được duyệt.

Điều 8. Nguyên tắc chung quản lý cây xanh đô thị

1. Cây xanh phải được trồng đúng chủng loại, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng tại từng địa phương; phù hợp với từng loại vỉa hè tương thích để cây xanh có thể phát triển tốt mà không ảnh hưởng, làm hư hại kết cấu vỉa hè và ảnh hưởng đến các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị đi nổi và đi ngầm khác.

2. Từng địa phương có thể lựa chọn chủng loại cây xanh để làm điểm nhấn của những tuyến đường nhưng phải đảm bảo theo quy định, không sử dụng cây cấm trồng, cây hạn chế trồng trong đô thị.

3. Chú trọng bố trí cây xanh cổ thụ đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch, các tiêu chuẩn chuyên ngành trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, các công trình tín ngưỡng, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác nhằm đảm bảo cây phát triển lâu dài tạo bóng mát cho đô thị; quan tâm việc cải tạo chỉnh trang các khu đất công, công trình công cộng không sử dụng, để bố trí các khuôn viên, vườn hoa kết hợp với sân chơi phục vụ cộng đồng.

CHƯƠNG II
QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

MỤC I
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 9. Công tác lập và quản lý quy hoạch

1. Các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải tuân thủ đầy đủ các quy định về quỹ đất dành cho hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo quy chuẩn hiện hành.

2. Quy hoạch chuyên ngành giao thông đô thị phải đảm bảo phù hợp với đồ án quy hoạch chung đô thị được duyệt, đảm bảo quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng chức năng hoặc yêu cầu đặc thù, đảm bảo đồng bộ với quy hoạch các công trình ngầm và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

3. Mạng lưới hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phải đảm bảo tính hệ thống, đồng bộ; kết nối khu vực, kết nối vùng; phải có giải pháp đảm bảo kết nối đồng bộ với các công trình hạ tầng kỹ thuật và công cộng khác.

4. Quy hoạch chi tiết xây dựng các khu nhà ở, khách sạn, trung tâm thương mại, trụ sở cơ quan, trường học, khu vui chơi giải trí… phải bố trí đủ đất xây dựng bãi đỗ xe phù hợp với nhu cầu của từng công trình.

5. Khi lập đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, phải bố trí đủ diện tích mặt bằng cần thiết cho công trình kết cấu hạ tầng giao thông và các công trình phụ trợ khác nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phải xác định cụ thể chiều rộng mặt cắt ngang, từng bộ phận kết cấu hạ tầng kỹ thuật, chỉ giới xây dựng (đối với đường đô thị), chỉ giới đường đỏ và phải thực hiện công bố quy hoạch để các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện và tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng.

6. Bố trí đồng bộ các bộ phận của kết cấu hạ tầng giao thông và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến như:

- Đường dây cáp viễn thông; điện lực, chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước, thoát nước; cấp năng lượng đảm bảo theo các quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Vỉa hè phải đảm bảo đủ rộng để bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến; hạn chế bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến trong phần xe chạy; ưu tiên bố trí hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến trong các tuy nen, hào kỹ thuật trong các đồ án quy hoạch cải tạo đô thị; đối với các tuyến đường phố mới và đường phố trong khu đô thị mới phải thiết kế tuy nen kỹ thuật hoặc hào kỹ thuật và từng bước hạ ngầm đường dây, đường ống theo lộ trình ngầm hóa các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

7. Bố trí quỹ đất dành cho giao thông đường bộ và các công trình phụ trợ khác để bảo đảm an toàn giao thông; nghiên cứu định hướng bố trí các hầm đường bộ, hầm đường sắt, cống ngầm, cầu đường bộ và cầu đường sắt, các vị trí xây dựng cầu vượt hoặc hầm ngầm dành cho người đi bộ để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý đầu tư xây dựng.

Điều 10. Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch xây dựng hoặc dự án đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với dự án công trình kết cấu hạ tầng giao thông xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm chủ trì tổ chức thẩm định theo quy định; lấy ý kiến về an toàn giao thông của cơ quan thẩm quyền theo quy định.

Điều 11. Công tác bảo trì, duy tu, bảo dưỡng

1. Công trình đường bộ sau khi được nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng phải được quản lý, khai thác và bảo trì theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, pháp luật về giao thông đường bộ. Thời hạn bảo trì công trình được tính từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng đến khi hết thời hạn sử dụng.

2. Yêu cầu về quản lý, khai thác, bảo trì công trình đường bộ được thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải.

3. Nội dung bảo trì công trình đường bộ được thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ Giao thông Vận tải.

4. Chủ sở hữu, cơ quan, đơn vị được giao quản lý kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm đối với công tác bảo trì như sau:

a) Lập kế hoạch, quy trình bảo trì công trình xây dựng trình thẩm định, phê duyệt theo quy định;

b) Tổ chức quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình do đơn vị quản lý, bảo đảm giao thông an toàn, thông suốt, hiệu quả và bảo vệ môi trường;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng công trình kết cấu hạ tầng giao thông bị xuống cấp do không thực hiện quy trình bảo trì theo quy định.

5. Nhà thầu và đơn vị được giao quản lý, khai thác sử dụng thực hiện công tác bảo trì đường bộ phải thực hiện đầy đủ yêu cầu về an toàn, vệ sinh và môi trường theo đúng quy định. Công tác sửa chữa đột xuất công trình đường bộ được thực hiện khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như gió, bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ và những tác động đột xuất khác hoặc khi bộ phận của công trình, công trình có biểu hiện xuống cấp ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, vận hành, khai thác công trình. Đơn vị quản lý đường bộ trực tiếp phải chủ động lập phương án, khẩn trương huy động mọi lực lượng về nhân lực, thiết bị, vật tư để tổ chức phân luồng, khắc phục đảm bảo giao thông và báo cáo nhanh về cơ quan quản lý theo phân cấp tại Quy định này để được hỗ trợ; việc sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Công tác này được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán;

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo Bước 1, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình; được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 12. Quản lý khai thác và vận hành

1. Kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải được quản lý chặt chẽ trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (đối với đường đô thị), cao độ nền theo quy hoạch được duyệt (nếu có). Công tác phân luồng, kẻ vạch sơn, lắp đặt hệ thống biển báo, đèn tín hiệu giao thông phải tuân thủ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ.

2. Việc đào đường phục vụ xây dựng, lắp đặt các công trình ngầm phải tuân thủ các quy định sau:

a) Việc lắp đặt các công trình ngầm phải bảo đảm theo nguyên tắc bắt buộc phải được xây dựng cùng lúc với kết cấu hạ tầng giao thông, bao gồm các hạng mục: Cây xanh, điện chiếu sáng, cấp thoát nước và hệ thống tuy nen, hào kỹ thuật (đã xác định trong các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;

b) Công tác xây dựng các công trình ngầm bên dưới kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm an toàn công trình và công trình liền kề, bảo đảm an toàn giao thông; bảo đảm vệ sinh môi trường;

c) Chủ đầu tư công trình phải bảo đảm thực hiện đúng thời hạn và bảo đảm chất lượng về việc hoàn trả lại hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông tại khu vực đã triển khai thi công.

3. Việc lắp đặt các biển hiệu, quảng cáo phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về quảng cáo; các biển hiệu quảng cáo phải bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị, không cản trở và không ảnh hưởng đến tầm nhìn, an toàn giao thông. Việc xây dựng, lắp đặt các công trình nổi trên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ phải bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình thi công và trong quá trình khai thác sử dụng; bảo đảm tĩnh không theo chiều đứng và chiều ngang theo quy định đồng thời phải bảo đảm mỹ quan đô thị.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tham gia giữ gìn, bảo đảm vệ sinh vỉa hè, lòng đường trước trụ sở cơ quan, nhà riêng; không thực hiện các hành vi sau: Đổ chất thải và phế liệu, đưa hàng hóa vật dụng bày bán trên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, làm mất vệ sinh môi trường và làm mất mỹ quan đô thị.

5. Quy định chung về sử dụng tạm thời một phần hè phố, một phần lòng đường không vào mục đích giao thông hoặc vào mục đích trông, giữ xe phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Đảm bảo an toàn giao thông, không được gây mất trật tự và đảm bảo về thời gian, đảm bảo bề rộng phần hè phố tối thiểu còn lại dành cho người đi bộ, đảm bảo bề rộng phần lòng đường còn lại dành cho các loại phương tiện, đảm bảo khả năng chịu lực của các công trình theo quy định;

b) Chỉ một số công trình, mục đích và hình thức sử dụng tạm trên các hè phố, lòng đường trên các tuyến phố đặc thù theo quy định mới được phép sử dụng tạm thời một phần hè phố và một phần lòng đường không vào mục đích giao thông hoặc để trông, giữ xe;

MỤC II
TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Các Sở, Ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông đô thị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư về công tác xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo hình thức đối tác công tư (PPP);

c) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra giám sát các đơn vị liên quan thực hiện theo các quy định về đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

2. Sở Giao thông Vận tải

a) Chịu trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông theo chức năng, nhiệm vụ đã được phân công; thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với đường Quốc lộ (được ủy thác) và các tuyến đường tỉnh;

b) Quản lý, vận hành, xây dựng kế hoạch, tổ chức cải tạo, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ các tuyến đường được phân cấp, gồm các tuyến đường: ĐT.741B, ĐT.742 (trừ đoạn qua nội ô thành phố Thủ Dầu Một), ĐT.744 (trừ đoạn qua nội ô thành phố Thủ Dầu Một và huyện Dầu Tiếng), ĐT.746 (trừ đoạn qua nội ô thị xã Thuận An), ĐT.747A (trừ đoạn qua nội ô thị xã Tân Uyên), ĐT.748, ĐT.749A (trừ đoạn qua nội ô thị xã Bến Cát), ĐT.749B, ĐT.749C, ĐT.749D, ĐT.750 (trừ đoạn qua nội ô huyện Dầu Tiếng);

c) Hướng dẫn việc quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông; hướng dẫn việc thiết lập, quản lý hệ thống tín hiệu giao thông, xây dựng phương án tổ chức giao thông, phân luồng giao thông, các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ;

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý nhà nước về kết cấu hạ tầng giao thông ngoài đô thị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các chủ đầu tư về công tác xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông ngoài đô thị theo hình thức đối tác công tư (PPP); đình chỉ hoạt động gây mất an toàn giao thông, an toàn công trình giao thông theo chức năng nhiệm vụ;

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông ngoài đô thị theo quy định của pháp luật;

e) Thỏa thuận đấu nối kết cấu hạ tầng giao thông khi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đấu nối vào hệ thống giao thông đối với các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ được giao quản lý;

g) Quản lý nhà nước về an toàn giao thông, an toàn thi công xây dựng đối với các tuyến đường được giao quản lý.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao, thu hồi đất để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật.

4. Các Sở, ngành có liên quan

Các Sở, ngành: Công Thương, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương, Ban quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore có trách nhiệm phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong hoạt động quản lý nhà nước có liên quan đến hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở và chủ dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

1. Có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị được phân cấp quản lý, tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động quản lý nhà nước đối với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu nhà ở và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong phạm vi quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành, bảo trì, cải tạo sửa chữa hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị mới, khu nhà ở và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) của khu quy hoạch hoặc dự án theo quy hoạch được phê duyệt cho đến khi chuyển giao cho địa phương quản lý; đảm bảo an toàn giao thông.

3. Đối với các tuyến đường Quốc lộ (ủy thác), đường tỉnh được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư (PPP), nhà đầu tư phải có ý kiến bằng văn bản về các vấn đề an toàn giao thông, ảnh hưởng đến kết cấu công trình, thu phí và các vấn đề khác có liên quan khi cơ quan đường bộ có thẩm quyền lấy ý kiến về việc xây dựng công trình thiết yếu, xây dựng, cải tạo các nút giao thông, điểm đấu nối liên quan đến công trình đường bộ.

Điều 15. Ủy ban nhân các huyện, thị xã, thành phố.

1. Quản lý, vận hành, xây dựng kế hoạch cải tạo, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa, bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đối với tất cả các tuyến đường, cầu đường bộ trong và ngoài đô thị trên địa bàn được giao quản lý và tổ chức giám sát thực hiện theo phân cấp nhằm đảm bảo theo các quy định, trừ các tuyến đường đã được phân cấp tại Khoản 2 Điều 13 Quy định này.

2. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ trong và ngoài đô thị theo quy định của pháp luật; xử lý kịp thời các trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ.

3. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng huyện, thị xã, thành phố; cấp huyện có thể giao nhiệm vụ cho cấp xã quản lý đường nhóm nhà ở, đường vào nhà, đường hẻm, đường đi xe đạp và đi bộ trong các khu nhà ở, khu công cộng.

4. Thực hiện và chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thực hiện chức năng quản lý nhà nước và quản lý khai thác, sử dụng, vận hành đối với kết cấu giao thông đường bộ đã được phân cấp; chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với thanh tra chuyên ngành, ngăn chặn xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật về đường bộ.

5. Định kỳ hàng năm, căn cứ vào chương trình phát triển đô thị, nâng cấp đô thị, điều chỉnh quy hoạch xây dựng đô thị cũng như quá trình đô thị hóa, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có văn bản đề nghị Sở Xây dựng và Sở Giao thông Vận tải xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục một số tuyến giao thông đường bộ hoặc đường ngoại ô trên địa bàn chuyển thành đường đô thị, đường huyện thành đường tỉnh, đường xã thành đường huyện để quản lý theo phân cấp quản lý nhà nước ngành xây dựng và ngành giao thông; chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân loại và xếp loại đường đô thị của các đô thị thuộc tỉnh, các khu công nghiệp tập trung, các khu đô thị mới để thực hiện quản lý theo phân cấp.

6. Quản lý nhà nước về an toàn giao thông, an toàn thi công xây dựng đối với các tuyến đường được giao quản lý.

CHƯƠNG III
QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

MỤC I
NỘI DUNG QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 16. Yêu cầu về tổ chức chiếu sáng đô thị

1. Tuân thủ theo quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuân thủ các quy định về quản lý chiếu sáng đô thị.

3. Bảo đảm các chức năng chiếu sáng cho các hoạt động của đô thị về ban đêm, góp phần tôn tạo diện mạo, mỹ quan đô thị, bảo đảm tiết kiệm điện, hiệu quả.

Điều 17. Chiếu sáng các công trình giao thông đô thị

1. Bảo đảm các chức năng về chiếu sáng, định vị, dẫn hướng cho các đối tượng tham gia giao thông hoạt động an toàn về ban đêm. Các chỉ tiêu định lượng, chất lượng chiếu sáng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về chiếu sáng đô thị quy định cho từng loại công trình giao thông.

2. Việc xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông phải được xây dựng đồng bộ với các công trình chiếu sáng đô thị.

3. Việc chiếu sáng đường, đường phố, hè phố, cầu, nút giao thông, bến, bãi đỗ xe, điểm đỗ xe buýt công cộng trong đô thị phải phù hợp yêu cầu của quy hoạch đô thị; đảm bảo tính thẩm mỹ, phù hợp với không gian kiến trúc và cảnh quan môi trường xung quanh.

4. Việc chiếu sáng tại các ngõ, hẻm phải phù hợp với điều kiện thực tế tại khu vực góp phần bảo đảm an ninh, trật tự, văn minh tại khu vực.

5. Việc chiếu sáng hầm đường bộ, hầm cho người đi bộ phải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu chỉ dẫn và khả năng phát hiện kịp thời chướng ngại vật trong hầm, bảo đảm an toàn, phòng, chống cháy nổ và có nguồn sáng dự phòng.

Điều 18. Chiếu sáng không gian công cộng trong đô thị

1. Công viên, vườn hoa, quảng trường, các khu vực ven hồ nước, ven hai bên bờ sông và các không gian công cộng có ý nghĩa về chính trị, lịch sử, văn hóa trong đô thị được tổ chức chiếu sáng theo quy hoạch đô thị được phê duyệt.

2. Giải pháp chiếu sáng không gian công cộng phải góp phần tăng tính thẩm mỹ không gian đô thị, kết hợp hài hòa giữa các yếu tố cảnh quan như cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, mặt nước với các công trình kiến trúc, tượng đài, đài phun nước và các công trình khác; không ảnh hưởng đến các phương tiện giao thông đường hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thủy.

3. Đơn vị được giao quản lý, vận hành hoặc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng, khai thác khu vực công cộng trong đô thị phải có trách nhiệm tổ chức chiếu sáng theo quy định này và các quy định của Chính quyền đô thị (Chính quyền đô

thị theo quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định 79/2009/NĐ-CP là Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã thuộc tỉnh và thị trấn thuộc huyện).

Điều 19. Chiếu sáng mặt ngoài các công trình trong đô thị

1. Các công trình kiến trúc, xây dựng; các công trình di tích lịch sử, văn hóa, thể thao; tháp truyền hình; ăng ten thu, phát sóng có kiểu dáng, hình ảnh và vị trí tạo điểm nhấn của đô thị hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến bộ mặt kiến trúc và cảnh quan đô thị phải được chiếu sáng mặt ngoài hoặc một phần mặt ngoài của công trình.

2. Tùy theo chức năng, quy mô, đặc điểm kiến trúc, độ cao và yêu cầu thẩm mỹ, việc chiếu sáng mặt ngoài công trình phải tạo nên những điểm nhấn, hình ảnh đặc trưng của công trình; đồng thời đảm bảo hài hòa với chiếu sáng các công trình giao thông, không gian công cộng và các công trình xung quanh.

3. Chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng các công trình nêu tại Khoản 1, Điều này có trách nhiệm tổ chức chiếu sáng theo quy định này và các quy định của Chính quyền đô thị.

Điều 20. Chiếu sáng khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng

1. Tùy theo vị trí, chiếu sáng khuôn viên công trình phải đảm bảo các yêu cầu về thẩm mỹ, an ninh, tiết kiệm và hiệu quả, kết hợp chiếu sáng khuôn viên với chiếu sáng các công trình trong khuôn viên hoặc với các khu vực lân cận.

2. Khuôn viên của các trụ sở cơ quan quản lý nhà nước, khuôn viên công trình do các tổ chức, cá nhân sở hữu, quản lý và sử dụng ở tại các vị trí quan trọng trong đô thị được tổ chức chiếu sáng theo quy định này và các quy định của Chính quyền đô thị.

Điều 21. Chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội

1. Đối với chiếu sáng quảng cáo, trang trí:

a) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật, các quy định của Luật quảng cáo và các quy định khác về quản lý chiếu sáng đô thị;

b) Bảo đảm an toàn, tính thẩm mỹ đô thị, cấm lạm dụng chiếu sáng quảng cáo, trang trí làm ảnh hưởng đến các hoạt động giao thông và các hoạt động khác của đô thị.

2. Đối với chiếu sáng các khu vực phục vụ lễ hội:

a) Bảo đảm sự phù hợp đa dạng, độc đáo và tính thẩm mỹ cao của các khu vực được tổ chức chiếu sáng;

b) Bảo đảm an toàn cho người và không gian nơi sử dụng, phòng, chống cháy nổ;

c) Bảo đảm dễ dàng, thuận tiện trong quá trình thi công, lắp đặt và tháo dỡ.

3. Việc chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội phải sử dụng nguồn sáng, thiết bị chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả.

4. Thực hiện việc xã hội hóa trong tổ chức chiếu sáng quảng cáo, trang trí và chiếu sáng khu vực phục vụ lễ hội.

Điều 22. Nội dung quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Thực hiện tổ chức chiếu sáng công cộng đô thị theo đúng các quy trình kỹ thuật về chiếu sáng, bảo đảm an toàn và tiết kiệm điện, phòng, chống cháy nổ và thời gian vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy định.

2. Lập kế hoạch hàng năm về xây dựng mới, thay thế, cải tạo, bảo trì hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng nguồn sáng và các thiết bị của hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị để đề xuất cho Chính quyền đô thị phương án sửa chữa và thay thế kịp thời.

4. Bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

MỤC II
TRÁCH NHIỆM VỀ QUẢN LÝ CHIẾU SÁNG ĐÔ THỊ

Điều 23. Các Sở, Ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác quản lý nhà nước về chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo hiệu quả sử dụng và mỹ quan đô thị;

b) Căn cứ vào quy định, hướng dẫn của Nhà nước và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chủ trì phối hợp các ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hệ thống chiếu sáng trên địa bàn tỉnh;

c) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phổ biến và thực hiện các văn bản pháp luật về quản lý chiếu sáng đô thị; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý chiếu sáng đô thị;

d) Thỏa thuận đối với các hoạt động khai thác, sử dụng các công trình thuộc hệ thống chiếu sáng đô thị thuộc cấp tỉnh vào mục đích khác hoặc các hoạt động xây dựng liên quan đến hệ thống chiếu sáng đô thị thuộc cấp tỉnh;

đ) Chịu trách nhiệm tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý, vận hành, sử dụng và các hoạt động khác liên quan đến hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và theo các quy định của pháp luật. Tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác quản lý của đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị.

2. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn về công tác thanh toán, quyết toán các công trình chiếu sáng đô thị;

b) Phối hợp với các Sở, ngành, các đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trong việc cân đối, bố trí dự toán ngân sách hàng năm để đảm bảo cho hoạt động của hệ thống chiếu sáng đô thị.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ ưu đãi khi tham gia xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Chính quyền đô thị

1. Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước toàn bộ hệ thống chiếu sáng đô thị trên địa bàn được giao quản lý theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ban hành các quy định cụ thể về quản lý chiếu sáng đô thị theo phân cấp, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân tham gia tổ chức chiếu sáng tại đô thị; quy định về quản lý và vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn được giao quản lý và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định này.

3. Phê duyệt kế hoạch hàng năm về xây dựng mới, thay thế, cải tạo, bảo trì hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch được phê duyệt.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu về hệ thống chiếu sáng đô thị phục vụ công tác quản lý chiếu sáng trên địa bàn, báo cáo định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm đơn vị quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị

1. Quyền của đơn vị quản lý, vận hành:

a) Được thanh toán đúng và đủ các chi phí theo quy định trong hợp đồng;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn có liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;

c) Được quyền tham gia ý kiến vào việc lập quy hoạch chiếu sáng đô thị trên địa bàn được giao quản lý; tham gia nghiên cứu khoa học; thực hiện các dịch vụ về tư vấn, thiết kế, xây dựng chiếu sáng đô thị; nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong chiếu sáng công cộng, trong quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị.

2. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, vận hành:

a) Đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ; các quy định về quản lý, vận hành đã cam kết trong hợp đồng;

b) Báo cáo định kỳ cho Ủy ban nhân cấp huyện và Sở Xây dựng về quản lý, vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị được giao quản lý, vận hành;

c) Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị đã được phê duyệt;

d) Quản lý tài sản được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo hợp đồng ký kết với Chính quyền đô thị;

đ) Bảo vệ hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn được giao quản lý, vận hành.

CHƯƠNG IV
QUẢN LÝ THOÁT NƯỚC

MỤC I
NỘI DUNG QUẢN LÝ CÁC HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC

Điều 26. Chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Tài sản được hình thành từ các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước sử dụng vốn nhà nước và tài sản được hình thành từ các công trình thoát nước được Nhà nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân được quy định là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh là đại diện chủ sở hữu đối với các công trình thoát nước:

a) Hệ thống thoát nước mang tính chất vùng tỉnh;

b) Hệ thống thoát nước thải được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

c) Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước; trừ hệ thống thoát nước mưa trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh do Sở Giao thông Vận tải thực hiện và các trường hợp khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố là đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước còn lại trên địa bàn cấp huyện:

a) Được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao theo Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ. Sau khi nhận bàn giao, tùy theo điều kiện địa phương, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đề xuất việc bàn giao lại hệ thống thoát nước thải, hệ thống thoát nước mưa trên các tuyến đường quốc lộ, hệ thống thoát nước mưa trên các tuyến đường tỉnh cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thống nhất quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hệ thống thoát nước theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

Điều 27. Dịch vụ thoát nước

1. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước:

a) Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước là một nội dung được quy định trong hợp đồng quản lý vận hành và hợp đồng dịch vụ thoát nước. Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước liên quan đến: Thời gian tiêu thoát nước mưa ứng với các cường độ mưa, tần suất mưa; khả năng thu gom và xử lý nước thải; chất lượng nước thải; an toàn môi trường; chất lượng và độ an toàn của công trình thoát nước; thời gian và chất lượng khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng; mức độ đáp ứng các yêu cầu của khách hàng;

b) Tùy từng điều kiện cụ thể của từng hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc tổ chức xây dựng, ban hành tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ thoát nước trên địa bàn tỉnh.

2. Giá dịch vụ thoát nước:

a) Trách nhiệm lập, thẩm quyền thẩm định và phê duyệt giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo Điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ;

b) Phương pháp định giá dịch vụ thoát nước theo Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

3. Xác định khối lượng nước thải:

a) Khối lượng nước thải được xác định theo Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ;

b) Đối với hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung và chưa lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải, khối lượng nước thải được xác định bình quân là 120 lít/người/ngày.đêm đối với phường, thị trấn hoặc 80 lít/người/ngày.đêm đối với xã.

4. Chi phí dịch vụ thoát nước:

a) Chi phí dịch vụ thoát nước theo Điều 36 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ;

b) Trách nhiệm lập, thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước:

- Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước:

+ Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước tính đến khi bàn giao công trình hoặc đơn vị thoát nước có trách nhiệm lập chi phí dịch vụ thoát nước trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước để tổ chức thẩm định, phê duyệt.

+ Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức thẩm định và phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố làm đại diện chủ sở hữu; cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chi phí dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu.

- Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác: Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức xác định chi phí dịch vụ thoát nước trên cơ sở giá dịch vụ thoát nước được lập, thẩm định và phê duyệt theo Khoản 2, Khoản 3 Điều 41 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

5. Hợp đồng dịch vụ thoát nước theo Điều 27 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

6. Ngừng dịch vụ thoát nước theo Điều 28 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ;

Điều 28. Đấu nối hệ thống thoát nước

1. Đấu nối hệ thống thoát nước theo các điều từ Điều 30 đến Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Điểm đấu nối, cao độ điểm đấu nối, hộp đấu nối, chất lượng, khối lượng nước xả vào điểm đấu nối được xác định theo dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước.

3. Thời điểm đấu nối: Được xác định theo dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước hoặc ngay sau khi công trình hoặc hạng mục công trình thoát nước được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

4. Kinh phí đấu nối:

a) Kinh phí đấu nối do hộ thoát nước chi trả toàn bộ; trừ trường hợp được hỗ trợ đấu nối theo quy định tại Điểm b Khoản này;

b) Hỗ trợ đấu nối:

- Đối với hệ thống thoát nước do Nhà nước đại diện chủ sở hữu:

+ Hỗ trợ toàn bộ chi phí đấu nối đối với hộ thoát nước thải sinh hoạt là hộ gia đình có người có công với cách mạng, là hộ nghèo theo tiêu chí do Thủ tướng Chính phủ quy định, là hộ thuộc chuẩn nghèo, chuẩn cận nghèo theo quy định về chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều tỉnh Bình Dương.

+ Tùy theo điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí đấu nối cho các hộ thoát nước còn lại chấp hành và thực hiện đấu nối ngay khi được yêu cầu đấu nối.

+ Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước tính đến khi bàn giao công trình hoặc đơn vị thoát nước có trách nhiệm: Xác định đối tượng được hỗ trợ; tổ chức lập, trình thẩm định bản vẽ thiết kế, dự toán xây dựng chi phí hỗ trợ đấu nối và thực hiện các bước tiếp theo theo trình tự của pháp luật về đầu tư xây dựng.

- Đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ các nguồn vốn khác việc hỗ trợ đấu nối do chủ sở hữu quyết định.

5. Các trường hợp miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước: Theo Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

6. Đối với các công trình thoát nước do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với đơn vị thoát nước và các đơn vị liên quan: Tổ chức thực hiện đấu nối thoát nước cho các hộ thoát nước thuộc lưu vực thoát nước của công trình thoát nước; thỏa thuận đấu nối thoát nước khi các hộ thoát nước nằm ngoài lưu vực thoát nước của công trình thoát nước đề nghị được đấu nối thoát nước vào công trình thoát nước.

7. Chủ đầu tư dự án hệ thống thoát nước hoặc đơn vị thoát nước có trách nhiệm thông báo cho cộng đồng dân cư thuộc phạm vi thu gom biết các nội dung về đấu nối thoát nước được quy định tại Điều này trước khi thực hiện đấu nối.

Điều 29. Quy định về trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn

1. Chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm lập và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước do mình quản lý, đồng thời giao Đơn vị thoát nước khai thác, sử dụng và cập nhật các thay đổi trong quá trình quản lý, vận hành.

2. Việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy chế quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu của tỉnh và phải được sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước.

Điều 30. Quy định trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm báo cáo chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng tình hình quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn quản lý;

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Giao thông Vận tải tình hình quản lý hoạt động thoát nước trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh.

3. Chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố nơi có dự án về tình hình quản lý hoạt động thoát nước thuộc phạm vi dự án do mình làm chủ đầu tư. Riêng đối với các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, ngoài các đơn vị phải báo cáo nêu trên, chủ đầu tư phải gửi báo cáo đến Sở Giao thông Vận tải.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Xây dựng về tình hình hoạt động thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 31. Quy định về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng

1. Nước thải từ các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung khi xả vào nguồn tiếp nhận phải tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn xả thải, tuân thủ các quy định về xả thải nước thải môi trường.

2. Nước thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất trong khu công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước tập trung của khu công nghiệp phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường khu công nghiệp và các quy định của cơ quan quản lý thoát nước trong khu công nghiệp.

3. Nước thải từ các nhà máy, cơ sở sản xuất ngoài khu công nghiệp khi xả thải vào hệ thống thoát nước thải đô thị phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý môi trường và các quy định của hệ thống thoát nước thải đô thị.

4. Trường hợp nước thải xử lý phi tập trung, căn cứ khả năng tiếp nhận và mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận, thực hiện theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xả thải.

MỤC II
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 32. Các Sở, Ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng:

a) Là đầu mối thực hiện quản lý nhà nước về thoát nước đô thị và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, bảo trì, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, đấu nối thoát nước và sử dụng nước thải sau khi xử lý tại các đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư từ các nguồn vốn khác;

c) Chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước.

2. Sở Giao thông Vận tải

a) Tham mưu, quản lý nhà nước hệ thống thoát nước mưa đối với tuyến đường Quốc lộ 13 (ủy thác), đường tỉnh và trực tiếp thực hiện bảo trì hệ thống thoát nước mưa đối với các tuyến đường tỉnh được phân cấp, quản lý, như: ĐT.741B, ĐT.742 (trừ đoạn qua nội ô thành phố Thủ Dầu Một), ĐT.744 (trừ đoạn qua nội ô thành phố Thủ Dầu Một và huyện Dầu Tiếng), ĐT.746 (trừ đoạn qua nội ô thị xã Thuận An), ĐT.747B (trừ đoạn qua nội ô thị xã Tân Uyên), ĐT.748, ĐT.749A (trừ đoạn qua nội ô thị xã Bến Cát), ĐT.749B, ĐT.749C, ĐT.749D, ĐT.750 (trừ đoạn qua nội ô huyện Dầu Tiếng);

b) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố đôn đốc, chỉ đạo đơn vị quản lý giao thông tăng cường công tác tuần đường, phát hiện kịp thời, giải quyết các sự cố hư hỏng đối với hệ thống cầu, đường giao thông gây ra tình trạng ngập úng trên địa bàn quản lý theo phân cấp;

c) Phối hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất việc thực hiện công tác vận hành, duy trì của các đơn vị giao thông, thoát nước trên các đường quốc lộ, tỉnh lộ, cầu và đường trên cao theo phân cấp, đảm bảo yêu cầu thoát nước;

d) Chủ trì, xây dựng phương án đảm bảo giao thông trong mùa mưa bão hoặc khi xảy ra sự cố thiên tai trên các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý duy trì; phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để chủ động trong việc phòng chống, khắc phục sự cố thiên tai, ngập lụt theo phương châm tại chỗ; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc đảm bảo kết hợp giữa tiêu thoát nước tuyến đường giao thông và tiêu thoát nước phục vụ nông nghiệp đối với khu vực ngoài đô thị.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng nước xả thải, công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải; tổ chức thực hiện quan trắc hệ thống thoát nước theo quy định; cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền;

b) Hướng dẫn thực hiện áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về hoạt động xả thải nước thải của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp và các khu dân cư trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, các cơ quan, đơn vị liên quan giám sát, kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận;

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng chính sách ưu đãi về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công trình thủy lợi;

b) Chủ trì giải quyết phương án thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh khi có thiên tai xảy ra như: Mưa bão dài ngày, lũ lụt, triều cường, xả lũ của các hồ, đập, sự cố các công trình thủy lợi, thủy điện;

c) Tổng hợp báo cáo Sở Xây dựng các dự án thoát nước thủy lợi, nông nghiệp được giao đầu tư, quản lý sử dụng.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho các dự án đầu tư xây dựng các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

6. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và dự toán do các đơn vị có liên quan gửi, Sở Tài chính sẽ tham mưu về kinh phí thực hiện theo thẩm quyền;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch, kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước mưa và thoát nước thải sinh hoạt;

c) Phối hợp với Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng tiền dịch vụ thoát nước của các đơn vị thoát nước.

Điều 33. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban quản lý Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore:

1. Chủ trì và phối hợp với Sở Xây dựng, các Sở, ngành có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước của hệ thống thoát nước trong hàng rào khu công nghiệp.

2. Chủ trì và chịu trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc chủ đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp trong việc quản lý đầu tư, khai thác, vận hành, bảo trì hệ thống thoát nước trong hàng rào khu công nghiệp.

3. Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong khu công nghiệp; tập hợp lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; tổng hợp báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu công nghiệp.

Điều 34. Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, chủ đầu tư các khu đô thị mới, khu nhà ở và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

1. Có trách nhiệm phối hợp và chịu sự quản lý của Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các sở ngành chức năng, các phòng ban chức năng cấp huyện, thỏa thuận đấu nối thoát nước trong khu quy hoạch đối với các tổ chức và cá nhân khi có yêu cầu, thực hiện chức năng quản lý về hoạt động thoát nước trong phạm vi khu quy hoạch hoặc dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc quản lý, vận hành, bảo trì, thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát nước của khu quy hoạch hoặc dự án do đơn vị làm chủ đầu tư đến khi chuyển giao cho địa phương quản lý sử dụng.

3. Tổng hợp báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước do đơn vị đầu tư, quản lý vận hành về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

Điều 35. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hệ thống thoát nước trên địa bàn; tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng hệ thống thoát nước được giao đại diện chủ sở hữu.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư, cải tạo, bảo trì hệ thống thoát nước được giao đại diện chủ sở hữu.

3. Thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, phát hiện xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

4. Báo cáo nội dung công tác quản lý hoạt động thoát nước trên địa bàn theo yêu cầu hoặc định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng.

Điều 36. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu, đại diện chủ sở hữu, cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại diện chủ sở hữu công trình thoát nước

1. Thực hiện các quyền và trách nhiệm theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu, cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Giám sát, kiểm tra hệ thống thoát nước vào bất cứ thời điểm nào để đảm bảo tính hiệu quả của hoạt động quản lý, vận hành, bảo trì theo hợp đồng đã ký;

b) Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, không bán, cho thuê hoặc nhượng quyền quản lý các tài sản cố định đã giao cho đơn vị thoát nước quản lý, vận hành khi chưa được sự đồng ý của đơn vị thoát nước;

c) Trong các trường hợp vi phạm các nội dung đã quy định trong hợp đồng thì chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu, cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước phải bồi thường tổn thất thiệt hại do việc vi phạm gây ra đối với đơn vị thoát nước.

3. Chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu, cơ quan chuyên môn được giao thực hiện nhiệm vụ của đại điện chủ sở hữu công trình thoát nước có trách nhiệm sau:

a) Trong trường hợp không có các bản vẽ hoàn công các công trình thoát nước: Tổ chức khảo sát thống kê, xác định vị trí, kích thước cơ bản, đánh giá tình trạng hoạt động và giá trị còn lại của tài sản;

b) Phối hợp với đơn vị thoát nước tổ chức và triển khai các chương trình truyền thông, thông tin đại chúng về các vấn đề liên quan đến quy định quản lý thoát nước, chính sách đấu nối và cung cấp dịch vụ thoát nước, các quy định về giá dịch vụ thoát nước, thu gom và xử lý nước thải, chính sách về giám sát cộng đồng đối với dịch vụ thoát nước;

c) Đảm bảo thanh toán đầy đủ, đúng hạn chi phí dịch vụ thoát nước cho đơn vị thoát nước theo nội dung hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

d) Tổ chức lập và ký kết hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;

đ) Hỗ trợ đơn vị thoát nước trong việc đấu nối các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước.

Điều 37. Quyền và trách nhiệm của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Theo Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ;

b) Hàng năm xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì hệ thống thoát nước trong phạm vi quản lý; bổ sung, cập nhật hồ sơ, cơ sở dữ liệu, thực hiện bảo trì hệ thống thoát nước, báo cáo chủ sở hữu hoặc đại diện chủ sở hữu hệ thống thoát nước về tình hình hoạt động của hệ thống thoát nước được giao quản lý, vận hành;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát sau đấu nối hệ thống thoát nước, đảm bảo chất lượng, yêu cầu thoát nước của công trình thoát nước được giao quản lý, vận hành;

d) Thông báo bằng văn bản tới chính quyền địa phương, hộ thoát nước về kế hoạch triển khai các dự án bổ sung, nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước để các hộ thoát nước biết, chủ động trong công tác đấu nối thoát nước. Thực hiện giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ các hộ thoát nước trong công tác đấu nối đảm bảo kỹ thuật, yêu cầu thoát nước;

đ) Định kỳ thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống thoát nước phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức kiểm soát việc xả nước thải của hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý bảo đảm các quy chuẩn quy định, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm khi thấy cần thiết; bảo vệ an toàn hệ thống thoát nước theo quy định; phối hợp với Thanh tra xây dựng và các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm đối với hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thuộc phạm vi được giao quản lý;

e) Tổng hợp báo cáo số liệu theo định kỳ gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước

1. Quyền và nghĩa vụ của hộ thoát nước theo Điều 29 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ.

2. Hộ thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đầu tư xây dựng toàn bộ đường ống thoát nước, công trình xử lý sơ bộ (nếu có) đến điểm đấu nối và hoàn trả nguyên trạng các mặt bằng công cộng đã sử dụng để thi công;

b) Thực hiện đúng các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước đã ký kết, chịu sự kiểm tra, giám sát của đơn vị thoát nước và các đơn vị có liên quan, đảm bảo chất lượng công tác đấu nối theo quy định.

CHƯƠNG V
QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

MỤC I
NỘI DUNG QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 39. Các loại cây xanh bóng mát trồng trong đô thị

Thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/12/2005 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý cây xanh đô thị.

Điều 40. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh công cộng đô thị

1. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa đô thị đã được duyệt; lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm, giai đoạn 5 năm bao gồm: Công tác trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị; xây mới, cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp các công trình xây dựng thuộc khu vực cây xanh sử dụng công cộng đô thị.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm gửi Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để lấy ý kiến bằng văn bản chuyên ngành quản lý cây xanh trước khi phê duyệt quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa đô thị.

3. Căn cứ vào kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện theo kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh, làm cơ sở bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương.

Điều 41. Khuyến khích tham gia quản lý và phát triển cây xanh đô thị

1. Khuyến khích xã hội hóa công tác quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và phát triển vườn ươm cây theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các hoạt động dịch vụ cung cấp giống, cây trồng, trồng và chăm sóc, duy trì cây xanh đô thị được thực hiện theo hợp đồng với phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ.

3. Khuyến khích trồng cây xanh trên các khoảng đất trống, hành lang an toàn giao thông, các bãi chôn lấp chất thải rắn khi ngừng hoạt động.

4. Khuyến khích các hộ gia đình tự trồng cây xanh, đặt biệt trồng và chăm sóc cây trước nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch và các quy định về chủng loại cây được duyệt.

MỤC II
TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 42. Các Sở, Ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn;

b) Chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý cây xanh đô thị, tổ chức lập kế hoạch hàng năm và 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và sử dụng đất để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý cây xanh đô thị, đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, vườn hoa;

d) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Hỗ trợ, phát triển nguồn giống, chủng loại cây xanh nhằm tạo sự đa dạng, phong phú trong hệ thống cây xanh đô thị, phát triển cơ sở hậu cần vườn ươm phục vụ nhu cầu trồng cây xanh của tỉnh;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân được giao quản lý theo dõi, phát hiện, thông báo kịp thời các dịch sâu bệnh hại cây xanh đô thị và hướng dẫn biện pháp phòng tránh, khắc phục.

3. Các Sở, ngành khác có liên quan và Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương; Ban quản lý khu công nghiệp Việt Nam - Singapore

a) Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính và sử dụng đất đảm bảo công tác quản lý cây xanh đô thị, đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, vườn hoa;

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện theo kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm;

c) Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố hoặc các tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh thực hiện tốt công tác quản lý cây xanh đô thị;

d) Trong quá trình thiết kế, thi công, xử lý kỹ thuật công trình khác có liên quan đến lĩnh vực cây xanh có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản, thông báo bằng văn bản và phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; phối hợp với các tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh đô thị để đảm bảo mỹ thuật, kỹ thuật và bảo vệ cây xanh.

Điều 43. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Tổ chức thực hiện quản lý, kiểm tra, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn; xử lý các hành vi xâm phạm về cây xanh đô thị.

2. Tổ chức lập và phê duyệt quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên - vườn hoa đô thị, kế hoạch phát triển cây xanh đô thị theo thẩm quyền phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được duyệt.

3. Tổ chức thống kê các loại cây được bảo tồn trên địa bàn đảm bảo các nội dung như: Số lượng, chất lượng, đánh số cây, treo biển tên, lập hồ sơ, đồng thời phải có chế độ chăm sóc đặc biệt và bảo vệ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn.

4. Quản lý nhà nước về chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn đảm bảo theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ;

5. Tổ chức chỉ đạo việc thống kê hàng năm và lập cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị trên địa bàn được giao quản lý; báo cáo định kỳ hàng năm về Sở Xây dựng để tổng hợp, quản lý.

Điều 44. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý cây xanh đô thị

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh đô thị theo hợp đồng đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cung cấp các dịch vụ có liên quan tới cây xanh đô thị cho xã hội.

2. Lập danh sách và tổ chức đánh số các loại cây xanh, cây cần bảo tồn trên đường phố, nơi công cộng trên địa bàn. Hàng năm có nhiệm vụ lập báo cáo kiểm kê diện tích cây xanh và số lượng cây trồng cho Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố.

3. Lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển của cây nguy hiểm; lập kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển cây nguy hiểm trong đô thị trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phê duyệt đồng thời tổ chức triển khai thực hiện.

4. Đơn vị thực hiện dịch vụ quản lý cây xanh đô thị được giao nhiệm vụ chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng đô thị trên địa bàn phải tuân thủ theo các quy định về quản lý cây xanh đô thị và phải đảm bảo quy trình kỹ thuật, an toàn cho người và tài sản.

5. Nghiên cứu đề xuất về chủng loại cây, hoa phù hợp quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung, tiếp thu lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

6. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh như: Phát hiện, lập kế hoạch, thực hiện việc chặt hạ cây xanh bị sâu bệnh không có khả năng điều trị, bị chết, có nguy cơ đổ ngã và cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng.

7. Phối hợp với các địa phương vận động thực hiện phong trào Nhà nước và nhân dân cùng chăm sóc, quản lý và phát triển cây xanh công cộng trong đô thị.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 45. Xử lý vi phạm

Các hành vi vi phạm về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, chiếu sáng đô thị, thoát nước, cây xanh đô thị gây thiệt hại cho nhà nước, quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại và bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành tỉnh

1. Sở Xây dựng: Chịu trách nhiệm triển khai và hướng dẫn các đơn vị có liên quan thực hiện Quy định này; chủ trì hướng dẫn, thanh kiểm tra, đôn đốc và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; theo dõi và cập nhật các quy định pháp luật có liên quan đảm bảo công tác tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng các hạng mục bao gồm quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, chiếu sáng đô thị, hoạt động thoát nước, cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và các nội dung của quy định này để phân công nhiệm vụ cho các phòng ban chuyên môn.

3. Các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phải kiểm tra và phân bổ vốn hợp lý trên cơ sở nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước được giao và phân bổ vốn cho từng dự án, từng công trình, đồng thời nghiên cứu xây dựng phương án khuyến khích huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa các công trình giao thông, chiếu sáng, thoát nước, cây xanh đô thị trong tỉnh, đáp ứng yêu cầu theo quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Các sở, ngành chức năng khác của tỉnh: Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và các nội dung của Quy định này có hướng dẫn, giao nhiệm vụ quản lý cụ thể đối với phòng, ban chuyên môn ngành mình ở huyện, thị xã, thành phố để thực hiện chức năng quản lý đã được giao.

5. Chủ sở hữu công trình, các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quản lý, khai thác, vận hành: Có trách nhiệm phối hợp với Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đảm bảo theo các nội dung của Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 47. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

1. Căn cứ theo chức năng nhiệm vụ của từng địa phương và theo các nội dung đã được phân cấp quản lý; chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc, các đơn vị được giao quản lý vận hành thực hiện các nội dung của Quy định này, tổ chức quản lý, vận hành và sử dụng các hạng mục quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông, hoạt động chiếu sáng đô thị, thoát nước và cây xanh đô thị.

2. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo các Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước tại địa phương được giao quản lý.

Điều 48. Tổ chức phối hợp

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, sử dụng điện chiếu sáng an toàn, sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao - tiết kiệm điện; đúng mục đích sử dụng; đảm bảo các hoạt động về thoát nước đô thị; tham gia giữ gìn, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về giao thông, chiếu sáng, thoát nước, cây xanh đô thị; cùng phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ của từng ngành, từng cấp trong từng lĩnh vực cụ thể của Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước, quản lý trực tiếp việc khai thác sử dụng, vận hành và bảo trì các công trình giao thông, chiếu sáng, thoát nước, cây xanh đô thị theo Quy định này có trách nhiệm phối hợp, tổ chức quản lý, vận hành bảo đảm thống nhất, đồng bộ và có hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cá nhân và tổ chức có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Trần Thanh Liêm